ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 443 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 10 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 10/TTr-SKHCN ngày 05/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HN tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Quyết định số 4214/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số;

Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thương mại nhằm chuyển đổi mô hình kinh doanh truyền thống sang kinh doanh trực tuyến để tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng của tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

b) Nâng cao năng lực số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân; góp phần thay đổi thói quen tiêu dùng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

c) Tạo môi trường tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số an toàn, minh bạch, tiện lợi; bảo đảm tuân thủ pháp luật và quyền lợi người tiêu dùng. Mọi hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số phải hướng đến lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Các hoạt động phải được triển khai đồng bộ, thiết thực, đạt hiệu quả cao và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng đơn vị, địa phương, tránh hình thức, lãng phí.

b) Các sản phẩm, dịch vụ của tỉnh, sản phẩm OCOP của địa phương đưa lên các nền tảng số phải có chất lượng tốt, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông tin minh bạch, dễ dàng tra cứu, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng so sánh, lựa chọn.

c) Tỷ lệ người dân tham gia mua sắm, sử dụng dịch vụ và thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt hàng năm tăng mạnh; góp phần hình thành thói quen tiêu dùng số an toàn, văn minh và có trách nhiệm.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tăng tỷ trọng doanh thu từ hoạt động kinh doanh trên môi trường số; đưa sản phẩm của tỉnh, của địa phương ra thị trường trong nước và quốc tế thông qua

các sàn thương mại điện tử và nền tảng kinh doanh trực tuyến, từng bước xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP của tỉnh, tăng cường khả năng nhận diện và cạnh tranh trên môi trường số.

b) Xây dựng môi trường tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số tin cậy, minh bạch, an toàn dựa trên ứng dụng công nghệ số; tuân thủ, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Nâng cao năng lực số cho người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, tạo động lực tăng trưởng kinh tế số bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến hết năm 2026

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 90%;

- Tối thiểu 45% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ và được đăng tải trên các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội và các chuyên trang giới thiệu sản phẩm;

- Tối thiểu 35% các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.

- Tỷ lệ các giao dịch qua thương mại điện tử thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 70%, từng bước hình thành thói quen tiêu dùng số an toàn, văn minh và có trách nhiệm.

- Tổ chức 2-3 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các kỹ năng về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 99%;

- Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ và được đăng tải trên các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội và các chuyên trang giới thiệu sản phẩm;

- Tối thiểu 70% các sản phẩm sử dụng mã số, mã vạch được định danh, tra cứu trên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc, bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế;

- Tỷ lệ các giao dịch qua thương mại điện tử thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 90%, từng bước hình thành thói quen tiêu dùng số an toàn, văn minh và có trách nhiệm.

- Hàng năm tổ chức 2-3 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các kỹ năng về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hỗ trợ thúc đẩy đưa sản phẩm, dịch vụ lên môi trường số

a) Triển khai Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, cửa hàng, hộ kinh doanh bán buôn, bán lẻ đánh giá mức độ chuyển đổi số, sử dụng các nền tảng số phù hợp để quản lý bán hàng hiệu quả, cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ, mở rộng khả năng tiếp cận khách hàng, phát triển thương mại điện tử trên môi trường số.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng, tối ưu các gian hàng số, thực hiện đăng ký, vận hành và quảng bá sản phẩm trên môi trường số.

c) Kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức cá nhân với các sàn thương mại điện tử, đơn vị vận chuyển và đơn vị tổ chức cung ứng các giải pháp thanh toán điện tử để hỗ trợ các đơn vị tham gia chuỗi cung ứng số hiệu quả.

2. Trang bị kỹ năng số cho người dân

a) Hằng năm tổ chức kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho các tổ chức, cá nhân về cách thức lập tài khoản, thực hiện các giao dịch và mua sắm trực tuyến an toàn; phổ biến các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, trang bị cho các tổ chức, cá nhân các kiến thức về nhận diện, phòng tránh các rủi ro, hành vi lừa đảo trên môi trường mạng.

b) Hỗ trợ đăng ký website bán hàng, trang thông tin điện tử (sử dụng tên miền quốc gia ".vn") và giao dịch thư điện tử (email) cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn nhằm phát triển thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm, cung cấp thông tin sản phẩm.

c) Tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao kiến thức quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân.

d) Đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc.

đ) Xây dựng bộ tài liệu chuẩn về quy trình truy xuất nguồn gốc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ sản xuất, cung cấp miễn phí trên các nền tảng số.

e) Phối hợp với ngân hàng, đơn vị giải pháp thanh toán tổ chức chương trình ưu đãi nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân chuyển đổi và sử dụng phương tiện thanh toán số.

3. Cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số

a) Thúc đẩy phát triển mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 4G, 5G phủ sóng toàn tỉnh.

b) Nghiên cứu, tích hợp và vận hành nền tảng cung cấp thông tin sản phẩm, kết nối mua sắm trực tuyến tin cậy của tỉnh, giúp người tiêu dùng dễ dàng tra cứu, so sánh và đặt hàng sản phẩm của tỉnh, của địa phương

4. Tạo lập niềm tin số cho người dân

a) Ứng dụng phát triển công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) trong hệ sinh thái truy xuất nguồn gốc; AI trong phát hiện gian lận dữ liệu truy xuất; IoT trong thu thập dữ liệu vùng trồng, vùng nuôi.

b) Tăng cường theo dõi, quản lý thị trường, rà soát, kiểm tra việc niêm yết thông tin hàng hóa, giá bán, nguồn gốc của các doanh nghiệp, thương nhân kinh doanh thương mại điện tử.

c) Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thương mại điện tử; hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và phản ứng nhanh để kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử; tăng cường chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử nhằm thực hiện hiệu quả công tác phòng chống hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng xâm phạm sở hữu trí tuệ, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

5. Tổ chức các sự kiện, chương trình quảng bá trực tuyến

a) Tổ chức các chiến dịch tuyên truyền, truyền thông về phổ cập chữ ký số cho người dân, về các sự kiện, chương trình quảng bá sản phẩm... trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số và các nền tảng mạng xã hội

b) Thông tin, hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, thương nhân tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, khảo sát thị trường để tìm kiếm cơ hội hợp tác kinh doanh về thương mại điện tử; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng, tham gia Tuần lễ Thương mại điện tử quốc gia và Ngày mua sắm trực tuyến Việt Nam.

c) Phối hợp tổ chức các hoạt động livestream bán hàng chuyên nghiệp, trải nghiệm sản phẩm trực tuyến, đề nghị các đơn vị cung cấp dịch vụ có các chính sách ưu đãi giảm giá, miễn phí vận chuyển để thu hút người tiêu dùng.

IV. NGUỒN KINH PHÍ

1. Từ ngân sách nhà nước được giao hàng năm cho Chương trình phát triển thương mại điện tử, Chương trình chuyển đổi số.

2. Từ các nguồn vốn hợp pháp khác (*xã hội hóa, tài trợ, hợp tác doanh nghiệp, chương trình xúc tiến thương mại v.v.*)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: Điểm a Mục 3.

2. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: Mục 1; Điểm a, b, e Mục 2; Điểm b Mục 3; Điểm b, c Mục 4; Điểm b, c Mục 5.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: Điểm c, d, đ Mục 2; Điểm a Mục 4.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Phần III, cụ thể: Điểm a Mục 5.

5. Uỷ ban nhân dân cấp xã

Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tại địa phương.

6. Các doanh nghiệp viễn thông

Các doanh nghiệp viễn thông lớn trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh phát triển hạ tầng số hiện đại, phủ rộng toàn tỉnh (mạng cáp quang, trạm phát sóng 4G. 5G,...), cung cấp các ứng dụng số tiện ích, tiện lợi nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn tỉnh và đồng hành, phối hợp cùng với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc hỗ trợ, thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiên hiệu quả Chương trình; phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết kịp thời./.